

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN SƠN TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-PGDĐT

Sơn Trà, ngày tháng 9 năm 2024

V/v mức thu giá các loại dịch vụ năm học
2024 -2025 của các trường mầm non công
lập, tiểu học, THCS trên địa bàn quận

Kính gửi: Các trường Mầm non công lập, Tiểu học, THCS
trên địa bàn quận

Căn cứ Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 3112/UBND-PGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND quận Sơn Trà về việc thực hiện các khoản thu, giá dịch vụ năm học 2024-2025.

Theo đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Sơn Trà tại Công văn số 1065/PGDĐT ngày 09/9/2024 và ý kiến của phòng Tài chính – Kế hoạch quận tại Công văn số 1300/TCKH ngày 09/9/2024, Chủ tịch UBND quận Sơn Trà có ý kiến như sau:

1. Phê duyệt mức thu tối đa giá các loại dịch vụ năm học 2024 - 2025 cho các trường Mầm non công lập, Tiểu học, THCS theo phụ lục đính kèm.
2. Hiệu trưởng các trường ban hành Quyết định giá dịch vụ tại đơn vị theo mức thu cụ thể không vượt quá mức thu được phê duyệt tại điều 1 sau khi họp thống nhất với cha mẹ học sinh các lớp. Ban hành thông báo các khoản thu, giá dịch vụ hè năm 2024 và gửi thông báo về phòng Giáo dục và Đào tạo quận và phòng Tài chính – Kế hoạch quận trước khi triển khai thu tại đơn vị mình.
3. Các trường thực hiện cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố và Công văn số 2810/UBND-PGDĐT ngày 24/8/2023 của UBND quận.

Chủ tịch UBND quận thông báo các trường học công lập được biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TCKH quận;
- UBND các phường;
- Lưu: VT, PGDĐT(V.37).

CHỦ TỊCH

Hoàng Sơn Trà

PHỤ LỤC 01 - CÁC KHOẢN THU GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Công văn số: /UBND-PGDĐT ngày tháng 9 năm 2024 của UBND quận Sơn Trà)

STT	Trường mầm non	Nội dung thu và mức thu tối đa									
		Tiền ăn bán trú (đã bao gồm phụ phí)		Thuê người nấu ăn, quản lý buổi sáng, trưa (đồng/trẻ/tháng)	Mua sắm đồ dùng bán trú		Tổ chức bán trú mầm non thứ 7: 3 ngày/tháng (đồng/trẻ/tháng)	Hoạt động trải nghiệm giáo dục kỹ năng sống, trẻ mầm non học 30 phút/buổi, 8 buổi/tháng			Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp tâm lý trẻ và học sinh (đồng/trẻ, học sinh/hoạt động)
		Ăn sáng (đồng/trẻ/ngày)	Ăn chính và xế (đồng/trẻ/ngày)		Đối với trẻ tham gia bán trú lần đầu (đồng/trẻ/năm học)	Đối với trẻ năm tiếp theo (đồng/trẻ/năm học)		Làm quen Tiếng Anh (đồng/trẻ/giờ)	Aerobic (đồng/trẻ/giờ)	Vẽ (đồng/trẻ/giờ)	
1	Rạng Đông	9.000	31.000	330.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000	151.000
2	Vành Khuyên	9.000	31.000	350.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000		95.000
3	Hoàng Yến	9.000	31.000	330.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000	187.000
4	Họa My	9.000	31.000	330.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000		217.000
5	Bạch Yến	9.000	31.000	330.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000	160.000

STT	Trường mầm non	Nội dung thu và mức thu tối đa									
		Tiền ăn bán trú (đã bao gồm phụ phí)		Thuê người nấu ăn, quản lý buổi sáng, trưa (đồng/trẻ/tháng)	Mua sắm đồ dùng bán trú		Tổ chức bán trú mầm non thứ 7: 3 ngày/tháng (đồng/trẻ/tháng)	Hoạt động trải nghiệm giáo dục kỹ năng sống, trẻ mầm non học 30 phút/buổi, 8 buổi/tháng			Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp tâm lý trẻ và học sinh (đồng/trẻ, học sinh/hoạt động)
		Ăn sáng (đồng/trẻ/ngày)	Ăn chính và xế (đồng/trẻ/ngày)		Đối với trẻ tham gia bán trú lần đầu (đồng/trẻ/năm học)	Đối với trẻ năm tiếp theo (đồng/trẻ/năm học)		Làm quen Tiếng Anh (đồng/trẻ/giờ)	Aerobic (đồng/trẻ/giờ)	Vẽ (đồng/trẻ/giờ)	
6	Son Ca	9.000	31.000	330.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000	140.000
7	Hoàng Cúc	9.000	31.000	330.000	250.000	150.000	165.000	15.000	15.000	15.000	200.000
8	Hoàng Anh	9.000	31.000	330.000	280.000	170.000	165.000	15.000	15.000	15.000	210.000

PHỤ LỤC 02 - CÁC KHOẢN THU GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Công văn số: /UBND-PGDĐT ngày tháng 9 năm 2024 của UBND quận Sơn Trà)

STT	Trường tiểu học	Nội dung thu và mức thu tối đa							
		Tiền ăn bán trú (đã bao gồm phụ phí), (đồng/học sinh/ ngày)	Thuê người nấu ăn, quản lý buổi trưa (đồng/học sinh/ tháng)	Mua sắm đồ dùng bán trú		Quản lý học sinh tiểu học ngoài giờ, tối đa 2 tiết/buổi (đồng/học sinh/ tiết)	Học tiếng Anh với người nước ngoài, tối đa 8 tiết/tháng (đồng/ học sinh/ tiết)	Dạy bơi (đồng/ học sinh/ tiết)	Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp tâm lý trẻ và học sinh (đồng/trẻ, học sinh/ hoạt động)
				Đối với trẻ tham gia bán trú lần đầu (đồng/học sinh/ năm học)	Đối với trẻ năm tiếp theo (đồng/học sinh/ năm học)				
1	Nguyễn Phan Vinh	31.000	200.000	280.000	200.000				
2	Nguyễn Tri Phương	31.000	200.000	280.000	200.000				
3	Trần Quốc Toàn	31.000	200.000	280.000	200.000				300.000
4	Quang Trung	31.000	200.000	280.000	200.000				250.000
5	Lương Thế Vinh	31.000	200.000	280.000	200.000	15.000		45.000	
6	Tiểu La	31.000	200.000	280.000	200.000	15.000	-	45.000	300.000
7	Tô Vĩnh Diện	31.000	200.000	280.000	200.000	15.000		45.000	300.000
8	Hai Bà Trưng	31.000	200.000	280.000	200.000	15.000		45.000	

STT	Trường tiểu học	Nội dung thu và mức thu tối đa							
		Tiền ăn bán trú (đã bao gồm phụ phí), (đồng/học sinh/ ngày)	Thuê người nấu ăn, quản lý buổi trưa (đồng/học sinh/ tháng)	Mua sắm đồ dùng bán trú		Quản lý học sinh tiểu học ngoài giờ, tối đa 2 tiết/buổi (đồng/học sinh/ tiết)	Học tiếng Anh với người nước ngoài, tối đa 8 tiết/tháng (đồng/ học sinh/ tiết)	Dạy bơi (đồng/ học sinh/ tiết)	Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp tâm lý trẻ và học sinh (đồng/trẻ, học sinh/ hoạt động)
				Đối với trẻ tham gia bán trú lần đầu (đồng/học sinh/ năm học)	Đối với trẻ năm tiếp theo (đồng/học sinh/ năm học)				
9	Ngô Mây	31.000	200.000	250.000	200.000				300.000
10	Nguyễn Thái Học	31.000	200.000	280.000	200.000				
11	Ngô Gia Tự	31.000	200.000	300.000	200.000	15.000	35.000	45.000	300.000
12	Chi Lăng	31.000	200.000	250.000	200.000	15.000		45.000	300.000

PHỤ LỤC 03 - CÁC KHOẢN THU GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG THCS NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Công văn số: /UBND-PGDĐT ngày tháng 9 năm 2024 của UBND quận Sơn Trà)

STT	Trường THCS	Nội dung thu và mức thu tối đa	
		Dạy thêm học thêm các môn văn hóa (đồng/học sinh/ tiết)	Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp tâm lý trẻ và học sinh (đồng/trẻ, học sinh/ hoạt động)
1	Lý Tự Trọng	12.500	300.000
2	Hoàng Sa	12.500	300.000
3	Nguyễn Chí Thanh	11.250	300.000
4	Phạm Ngọc Thạch	12.500	290.000
5	Lê Độ	10.625	300.000
6	Cao Thắng	-	300.000
7	Phan Bội Châu	11.250	300.000
8	Nguyễn Văn Cừ	12.500	280.000